

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2025
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các hội thẩm nhân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh – Ông Nguyễn Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thu N, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Vũ Sỹ T, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đ, P, Trại giam H – Cục C – Bộ C1.

Các đương sự vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Trần Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Sỹ T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 12 tháng 3 năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Chị cùng hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Đến tháng 10 năm 2020 anh T vi phạm pháp luật nên bị kết án và hiện đang chấp hành án tại Trại giam H – Cục C – Bộ

C1. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Sỹ T.

Về nuôi con: Chị và anh Vũ Sỹ T có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc Tường V, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2020. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn anh Vũ Sỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với ý kiến của chị N về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị N đã trình bày. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

Về nuôi con: Anh thống nhất với chị N, anh chị có một con chung như chị N trình bày, anh đồng ý với yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị N, anh không phải cấp dưỡng nuôi con

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Sỹ T có nơi thường trú tại tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 12 tháng 3 năm 2020 thể hiện việc kết hôn giữa chị Trần Thu N và anh Vũ Sỹ T là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai, các đương sự đều thể hiện hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào trầm trọng, không thể hàn gắn được và cùng đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Do anh Vũ Sỹ T đang phải chấp hành án tại Trại giam H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do không thể có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án được nên Tòa án không thể công nhận sự thoả thuận của các đương sự nhưng cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự để căn cứ vào quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Trần Thu N và anh Vũ Sỹ T được thuận tình ly hôn.

[2.2] Về nuôi con: Chị Trần Thu N, anh Vũ Sỹ T có một con chung là cháu Vũ Ngọc Tường V, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2020. Hiện cháu V do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T hiện đang chấp hành án tại trại giam nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu V được. Chị N và anh T thống nhất giao cháu V cho chị N

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vũ Sỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Thoả thuận của các đương sự về nuôi con là tự nguyện không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do các đương sự thoả thuận được với nhau về ly hôn nên mỗi đương sự phải chịu 25% án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng x 25% = 75.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thu N và anh Vũ Sỹ T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Trần Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc Tường V, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Vũ Sỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thu N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 75.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2024/0001585 ngày 21/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, chị N được trả lại số tiền 225.000 đồng. Anh Vũ Sỹ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 75.000 đồng (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thu N, anh Vũ Sỹ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự (02);
- UBND P.Hồng Hà, TP Yên Bái
(Số GCNKH 12 ngày 12/3/2020);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền